

Phụ lục
NỘI DUNG BỔ TRỢ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018
(Kèm theo Công văn số 94/SGDDT-GDPT ngày 14 tháng 01 năm 2022
của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Để chuẩn bị cho học sinh theo học Chương trình GDPT 2018 ở lớp 10 trong năm học 2022-2023, khi tổ chức dạy học cho học sinh lớp 9 giáo viên cần lưu ý:

MÔN VẬT LÝ

- Bổ sung kiến thức định tính về chiết suất của môi trường trong suốt;
- Bổ sung biểu thức và nội dung của định luật khúc xạ,
- Bổ sung biểu thức tính động năng, thế năng
(không đưa những chi tiết này trong nội dung kiểm tra, đánh giá HS).

MÔN ÂM NHẠC

- **Nội dung Học hát:** Tiếp tục dạy những bài hát trong sách giáo khoa hiện hành hoặc có thể tham khảo một số bài hát trong tài liệu tập huấn của Bộ giáo dục và Đào tạo để thay thế thực hiện dạy (đối với các trường có đủ điều kiện thực hiện).
- **Nội dung Nhạc lí:** Tập trung dạy kiến thức Nhạc lí trong sách giáo khoa hiện hành giúp học sinh có kiến thức nhạc lí cơ bản để có sự nối tiếp kiến thức nhạc lí lớp 10 chuẩn bị học chương trình môn Âm nhạc lớp 10.
- **Nội dung Âm nhạc thường thức:** Tiếp tục dạy các nội dung trong sách giáo khoa.
- **Nhạc cụ:** Là nội dung mới trong chương trình GDPT 2018. Để có sự tiếp nối từ kiến thức lớp 9 lên lớp 10, cần tăng cường sử dụng nhạc cụ tiết tấu, vận dụng gõ đệm trong các bài hát, tập đọc nhạc ở sách giáo khoa hiện hành. Cân đối thời gian, lồng ghép giới thiệu một số nhạc cụ giai điệu phương Tây như: Ghi ta, piano, organ; nhạc cụ dân tộc như: Sáo trúc, đàn bầu, đàn tranh, đàn nguyệt qua các video hòa tấu độc tấu nhạc cụ để trang bị cho học sinh thêm hiểu biết, yêu thích các nhạc cụ, từ đó các em có sự chọn lựa môn học Âm nhạc ở lớp 10 triển khai vào giảng dạy cấp THPT vào năm học 2022-2023.

MÔN TIN HỌC

1. Vấn đề mới ở môn Tin học theo chương trình GDPT 2018 ở cấp THCS là môn học bắt buộc. Môn học được trang bị các kiến thức cập nhật về tin học hiện nay, được phân loại theo 07 chủ đề nội dung cốt lõi có tính kế thừa, chuyển tiếp từ cấp Tiểu học đến cấp THPT (A. Máy tính và cộng đồng, B. Mạng máy tính và Internet, C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin, D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số, E. Ứng dụng tin học, F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính. G. Hướng nghiệp với tin học). Chương trình trang bị theo định hướng 03 mạch kiến thức: Học vấn số hoá phổ thông (DL), Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), Khoa học máy tính (CS).

2. Nội dung kiến thức bổ trợ cho học sinh lớp 9

- Tăng cường các nội dung theo mạch kiến thức ICT làm cơ sở để học sinh lựa chọn các chuyên đề theo hướng Ứng dụng tin học ở cấp THPT (chủ đề E. Ứng dụng của tin học): soạn thảo văn bản cơ bản, bảng tính điện tử cơ bản, phần mềm trình chiếu cơ bản, sử dụng được sơ đồ tư duy và phần mềm sơ đồ tư duy.
- Tăng cường các nội dung theo mạch kiến thức CS làm cơ sở để học sinh lựa chọn các chuyên đề theo hướng khoa học máy tính ở cấp THPT: phổ biến và đẩy mạnh dạy học lập trình với ngôn ngữ bậc cao thay thế Pascal (Python, C/C++,...) làm cơ sở để học sinh được học và định hướng khoa học máy tính, phát triển giáo dục STEM ở cấp THCS, THPT.
- Tăng cường các nội dung theo mạch kiến thức DL: Vai trò của máy tính trong đời sống, đánh giá chất lượng thông tin trong giải quyết vấn đề, đạo đức và văn hóa trong môi trường số.

MÔN NGỮ VĂN

Dạy học văn bản thông tin

Một trong những điểm mới của chương trình Ngữ văn 2018 là coi văn bản thông tin (VBTT) là một trong 3 loại văn bản chính để rèn luyện cho học sinh. Trong chương trình hiện hành, học sinh đã được tiếp xúc với VBTT như các bài học trong sách giáo khoa nhiều môn học; các bài văn học sử, bài tiếng Việt và làm văn, một số văn bản nhật dụng trong sách ngữ văn... Chỉ có điều chương trình hiện hành chưa gọi là VBTT và chưa được dạy như một VBTT. Dạy học chương trình Ngữ văn mới cần khắc phục hạn chế này.

VBTT là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về con người, sự vật, hiện tượng hoặc hướng dẫn thực hiện hoạt động dựa trên các số liệu, sự kiện khách quan và kiến thức khoa học. VBTT rất phổ biến trong xã hội dưới dạng các bài báo, tạp chí, từ điển, sách giáo khoa, sách viết về danh nhân, sách hướng dẫn (du lịch, sử dụng thuốc, nấu ăn...), panô, áp phích... Theo đó, VBTT thường được trình bày bằng kênh chữ kết hợp với các kênh khác như hình ảnh, âm thanh... nên VBTT thường là văn bản đa phương thức. Dạy VBTT cần chú ý giúp học sinh nhận biết được các đặc điểm hình thức của VBTT và vai trò tác dụng của các hình thức ấy trong việc thể hiện nội dung thông tin. Các yếu tố hình thức thường thấy của VBTT như nhan đề, sa pô, các đề mục, các chữ in đậm, các ký hiệu, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh... Chẳng hạn, dạy văn bản thuật lại sự kiện lịch sử như “Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn Độc lập”, giáo viên cần ý thức rõ đây là dạy một VBTT chứ không phải dạy một bài lịch sử. Vì thế cần tổ chức cho học sinh tìm hiểu: a) Mục đích của văn bản; b) Thông tin chính của văn bản; c) Nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc chuyển tải thông tin. Thực chất là trả lời các câu hỏi: Nhan đề văn bản cho ta biết các thông tin gì? Sa pô là gì và tại sao sa pô thường in đậm ở phần đầu bài viết? Tại sao bài viết in vào ngày giờ tháng năm này? Các tiêu đề nhỏ trong văn bản có tác dụng gì? Văn bản có sử dụng các hình ảnh, sơ đồ biểu bảng không và chúng có tác dụng gì?... Kết quả là học sinh mỗi khi tiếp xúc với VBTT, khi đọc sách, báo, tạp chí (trên giấy hay trên mạng, điện tử), các em hiểu đúng và biết cách

đọc, cách tiếp nhận các thông tin; biết khai thác thông tin từ các yếu tố hình thức của loại văn bản này.

Từ dạy đọc VBTT, sẽ tích hợp với kỹ năng viết và nói - nghe để dạy cho học sinh cách tạo lập một VBTT thông thường. Trong nhà trường, việc dạy tạo lập một VBTT chủ yếu sử dụng phương thức thuyết minh. Dạy cho học sinh viết một bài giới thiệu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; biết giới thiệu một cuốn sách, một sản phẩm, một phương pháp nấu ăn; biết làm một báo cáo hay viết một thông báo công cộng... đều là dạy tạo lập VBTT.

Dạy ngữ văn không chỉ có dạy văn chương mà còn dạy học sinh biết tiếp nhận, tạo ra và sử dụng thành thạo các sản phẩm giao tiếp thường nhật. Học sinh biết đọc, biết viết một bản thông báo nơi công cộng cũng quan trọng như đọc hiểu, cảm nhận và thưởng thức đúng một truyện ngắn, một bài thơ. Ra đời học sinh phải đọc VBTT còn nhiều hơn cả thơ văn.

MÔN ĐỊA LÝ

1. Một số yêu cầu chung

- Bổ sung, tích hợp vào các nội dung, chủ đề phù hợp để bảo đảm yêu cầu cần đạt theo chương trình mới.
- Bổ sung nội dung, chủ đề mới vào thời điểm phù hợp, bảo đảm học sinh có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng để học thuận lợi.
- Điều chỉnh nội dung dạy học nhưng không làm tăng số tiết học.
- Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung kiến thức bổ trợ.

2. Hướng dẫn thực hiện các nội dung bổ trợ cho học sinh lớp 9 môn Địa lý

| Chủ đề/Bài | Nội dung bổ trợ | Hướng dẫn thực hiện |
|---------------------------------|---|--|
| Nông nghiệp | - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. | Dạy bổ sung vào hoạt động Vận dụng bài 8 - SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Công nghiệp | - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. | Dạy bổ sung vào hoạt động Vận dụng bài 12, SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Dịch vụ | - Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. | Dạy bổ sung vào hoạt động Vận dụng bài 15 - SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Vùng Đồng bằng sông Hồng | - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. | Dạy bổ sung vào hoạt động luyện tập bài 20, mục III - SGK Địa 9, hiện hành). |

| | | |
|---|---|--|
| Vùng Bắc Trung Bộ | - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. | Dạy bổ sung vào hoạt động Vận dụng bài 23, – SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| | - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ. | Dạy bổ sung vào hoạt động Luyện tập bài 24, mục IV.3 SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. | Dạy bổ sung vào hoạt động Luyện tập bài 25, mục II - SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Vùng Đông Nam Bộ | - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. | Dạy bổ sung vào hoạt động Vận dụng bài 33, mục V- SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | - Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. | Dạy bổ sung vào hoạt động vận dụng bài 35, mục II- SGK Địa lí 9 hiện hành). |
| | - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. | Dạy bổ sung vào hoạt động vận dụng bài 36 - SGK Địa lí 9 hiện hành. |
| Đô thị | 1. Điều kiện hình thành đô thị. 2. Lịch sử hình thành và phát triển đô thị. 3. Vai trò của đô thị đối với sự phát triển KTXH. 4. Giới thiệu một số đô thị cổ đại và hiện đại. | Nội dung mới (dạy lồng ghép vào bài Đồng bằng sông Hồng và Bài Đồng bằng sông Cửu Long). |
| Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long | - Quá trình hình thành và phát triển châu thổ; chế độ nước của các dòng sông chính. - Quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự các dòng sông. - Văn minh các dòng sông. - Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. | Nội dung mới (dạy lồng ghép vào bài Đồng bằng sông Hồng và Bài Đồng bằng sông Cửu Long). |
| Bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp của | - Phạm vi các vùng biển và hải đảo Việt Nam. - Đặc điểm môi trường và tài nguyên biển, đảo. | Nội dung mới (Dạy lồng ghép vào bài 38, 39). |

| | | |
|-----------------------------|--|--|
| Việt Nam ở biển Đông | <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo trong lịch sử Việt Nam. - Chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam. - Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam. | |
|-----------------------------|--|--|

MÔN TOÁN

Để những học sinh học theo chương trình giáo dục phổ thông 2006 chuyển tiếp lên cấp THPT theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 không bị thiếu hụt các kiến thức nền tảng được chuẩn bị ở cấp THCS (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018), yêu cầu tổ chuyên môn trong các nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giảng dạy bổ sung những nội dung kiến thức mà chương trình môn Toán cấp THCS năm 2006 không có nhưng chương trình môn Toán cấp THCS năm 2018 có, cụ thể như sau:

1. Đại số

a) Hàm số và đồ thị

- Bổ sung thêm ví dụ về vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí, ...).
- Bổ sung thêm ví dụ về giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, ...).

b) Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn

- Bổ sung tính nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay.
- Bổ sung một số ví dụ về các bài toán tích hợp, liên môn, ...

c) Phương trình bậc hai một ẩn. Định lí Vi-et

- Bổ sung tính nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay.

2. Hình học và đo lường

a) Hình trụ. Hình nón. Hình cầu

- Bổ sung thêm các hoạt động tạo lập hình trụ, hình nón, hình cầu, mặt cầu (học sinh thực hiện các thao tác để tạo thành các hình nói trên).

b) Đường tròn

- Bổ sung định nghĩa đường tròn ngoại tiếp tam giác.
- Bổ sung xác định tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác.
- Bổ sung định nghĩa đường tròn nội tiếp tam giác.
- Bổ sung xác định tâm và bán kính đường tròn nội tiếp tam giác.

c) Góc với đường tròn

- Bổ sung tính được diện tích hình vành khuyên (hình giới hạn bởi hai đường tròn đồng tâm).

3. Một số yếu tố thống kê và xác suất

a) Một số yếu tố thống kê

- *Thu thập và tổ chức dữ liệu* (bổ sung 2 tiết)
 - + Bổ sung biểu đồ hình quạt tròn; Đọc, biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ quạt tròn;
 - + Bổ sung biểu đồ dạng cột kép; Đọc, biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ dạng cột kép;

+ Bổ sung thêm các ví dụ về nhận biết mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn; so sánh các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.

+ Bổ sung chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.

- *Phân tích và xử lý dữ liệu* (bổ sung 2 tiết)

+ Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có (biểu đồ tranh, biểu đồ hình quạt tròn và biểu đồ dạng cột kép).

+ Tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối (biểu diễn các giá trị và tần số tương đối của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ hình quạt tròn). Ý nghĩa.

+ Bảng tần số ghép nhóm, bảng tần số tương đối ghép nhóm. Biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm (ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ đoạn thẳng).

b) Một số yếu tố xác suất (bổ sung 4 tiết)

- Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.

- Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.

- Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản

- Mô tả xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó.

- Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất đơn giản.

MÔN HÓA HỌC

1. Một số yêu cầu chung

- Điều chỉnh nội dung dạy học nhưng không làm tăng số tiết học.

- Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung kiến thức bổ trợ.

2. Hướng dẫn thực hiện các nội dung bổ trợ cho học sinh lớp 9 môn Hóa học

| Chủ đề/bài | Nội dung bổ trợ | Hình thức bổ trợ |
|------------------------------------|---|--|
| Mol và tỉ khối của chất khí | - Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 ⁰ C. - Sử dụng được công thức chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 ⁰ C: $n \text{ (mol)} = \frac{V \text{ (l)}}{24,79 \text{ (l/mol)}}$ | Tích hợp khi giải các bài toán liên quan đến chất khí. |
| Acid, Base, Oxide, Muối | - Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion H ⁺) và bazơ (tạo ra ion OH ⁻). - Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất | Bổ sung vào nội dung bài học. |

| | | |
|---|--|-------------------------------|
| | <p>chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (HCl, H₂SO₄, CH₃COOH). - Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base. - Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch. - Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide. | |
| Phân bón hóa học | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường đất, môi trường nước và sức khoẻ của con người. - Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường của phân bón. | Bổ sung vào nội dung bài học. |
| Carbon và hợp chất. Chu trình của cacbon | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số dạng tồn tại phổ biến của nguyên tố carbon trong tự nhiên (than, kim cương, carbon dioxide, các muối carbonate, các hợp chất hữu cơ). - Nêu được khí carbon dioxide và methane là nguyên nhân chính gây hiệu ứng nhà kính, sự ấm lên toàn cầu. - Trình bày được những bằng chứng của biến đổi khí hậu, thời tiết do tác động của sự ấm lên toàn cầu trong thời | Bổ sung vào nội dung bài học |

| | | |
|--------------------------------------|--|--------------------------|
| | <p>gian gần đây; những dự đoán về các tác động tiêu cực trước mắt và lâu dài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được được một số biện pháp giảm lượng khí thải carbon dioxide ở trong nước và ở phạm vi toàn cầu. - Trình bày được sản phẩm và sự phát năng lượng từ quá trình đốt cháy than, các hợp chất hữu cơ; chu trình carbon trong tự nhiên và vai trò của carbon dioxide trong chu trình đó. | |
| Giới thiệu về các chất hữu cơ | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự phân loại sơ bộ hợp chất hữu cơ gồm hydrocarbon (hidrocacbon) và dẫn xuất của hydrocarbon. | Bổ sung vào bài dạy. |
| Alkane | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hydrocarbon, alkane. - Viết được công thức cấu tạo và gọi tên được một số alkane (ankan) đơn giản và thông dụng (C1 – C4). - Trình bày được nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo của methane (metan). - Nêu được khái niệm nhiên liệu hoá thạch. - Trình bày được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch và thực trạng của việc khai thác nhiên liệu hoá thạch hiện nay. - Nêu được một số giải pháp hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch. | Bổ sung vào bài dạy. |
| Alkene | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về alkene. | Bổ sung vào bài dạy. |
| Tên gọi các chất | <ul style="list-style-type: none"> - Tên quốc tế của các nguyên tố, các chất. | Bổ sung vào các bài dạy. |

MÔN SINH HỌC

- Bổ sung, tích hợp vào các nội dung, chủ đề phù hợp để bảo đảm yêu cầu cần đạt theo chương trình mới (Thực hiện với hầu hết các nội dung bổ sung trong chương trình Sinh học lớp 9).
- Bổ sung nội dung, chủ đề mới vào thời điểm phù hợp, bảo đảm học sinh có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng để học thuận lợi (Thực hiện riêng với chủ đề Tiến hóa).
- Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung kiến thức bổ trợ.

| Chủ đề/ Nội dung | Nội dung bổ sung | Gợi ý thực hiện |
|--|---|---|
| Các thí nghiệm của Mendel | Các thuật ngữ trong nghiên cứu các quy luật di truyền: kiểu hình trội, kiểu hình lặn; alen trội, alen lặn. | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Nhiễm sắc thể | Mối liên quan giữa bộ NST đơn bội và lưỡng bội | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Nguyên phân và giảm phân | - Phân biệt nguyên phân và giảm phân; - Biến dị tổ hợp và cơ chế phát sinh | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Di truyền liên kết | Phân biệt quy luật di truyền liên kết với quy luật phân li độc lập | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| ADN và gen | - Khái niệm mã di truyền; Mã di truyền là mã bộ 3 - Đặc trưng cá thể của hệ gen - Ứng dụng của phân tích ADN trong xác định huyết thống, truy tìm tội phạm,... - Phiên mã và dịch mã | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Di truyền học người | Quan điểm về lựa chọn giới tính trong sinh sản ở người | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Ứng dụng di truyền học | - Một số vấn đề về đạo đức sinh học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ di truyền - Tìm hiểu được một số sản phẩm ứng dụng công nghệ di truyền tại địa phương. | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Tiến hóa | - Học thuyết tiến hoá của Lamac và Khái niệm tiến hóa - Học thuyết tiến hoá của Đacuyn: Chọn lọc nhân tạo; Chọn lọc tự nhiên; Cơ chế tiến hoá - Thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại - Sự phát sinh và phát triển sự sống trên Trái Đất | Xây dựng chủ đề mới và dạy vào thời điểm phù hợp với từng địa phương. |
| Quần thể | Biện pháp bảo vệ quần thể | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Quần xã | Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã. | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Hệ sinh thái | Sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |
| Sinh quyển | Khái niệm sinh quyển | |
| Con người, dân số và môi trường | - Khái niệm cân bằng tự nhiên | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |

| | | |
|--------------------------|---|------------------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên - Một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên | |
| Bảo vệ môi trường | Biến đổi khí hậu <ul style="list-style-type: none"> - Một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu | Tích hợp vào chủ đề/nội dung |

Lưu ý: Trong giai đoạn học online để tránh làm quá tải đã không đưa các nội dung bổ sung tích hợp vào các chủ đề/nội dung thì khi đi học trực tiếp các đơn vị chủ động đưa bổ sung vào các tiết luyện tập củng cố.

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

| Chủ đề/ nội dung | Mức độ cần đạt (CT 2006) | Yêu cầu cần đạt (CT 2018) | Nội dung bổ sung hoặc tinh giản |
|-----------------------------|---|--|--|
| 1. Chí công vô tư | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là chí công vô tư - Nêu được biểu hiện của chí công vô tư. - Hiểu được ý nghĩa của phẩm chất chí công vô tư. - Biết thể hiện chí công vô tư trong cuộc sống hằng ngày. - Đồng tình, ủng hộ những việc làm chí công vô tư, phê phán những biểu hiện thiếu chí công vô tư. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng; tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. - Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày. - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành. - Bổ sung: Thể hiện được chí công vô tư trong cuộc sống hàng ngày bằng thái độ và hành động khách quan, công bằng. |
| 2. Tự chủ | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là tự chủ - Nêu được biểu hiện của người có tính tự chủ - Hiểu được vì sao con người cần phải biết tự chủ - Có khả năng làm chủ bản thân trong học tập, sinh hoạt | | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành - Bổ sung: Người tự chủ luôn biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lý thời gian học tập, sinh hoạt của bản thân hiệu quả |

| | | | |
|------------------------------|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức rèn luyện tính tự chủ | | |
| 3. Dân chủ và kỉ luật | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là dân chủ và kỉ luật - Hiểu được mối quan hệ giữa dân chủ và kỉ luật - Hiểu được ý nghĩa của dân chủ và kỉ luật - Biết thực hiện quyền dân chủ và chấp hành tốt kỉ luật của tập thể - Có thái độ tôn trọng quyền dân chủ và kỉ luật của tập thể | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDĐT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| 4. Bảo vệ hòa bình | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nêu được ý nghĩa của các hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh đang diễn ra ở Việt Nam và trên thế giới. - Nêu được các biểu hiện của sống hoà bình trong sinh hoạt hằng ngày. - Tham gia các hoạt động bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh do nhà trường, địa phương tổ chức. - Yêu hoà bình, ghét chiến tranh phi nghĩa. | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. - Biết lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình. - Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. | <p>Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2018</p> |

| | | | |
|---|---|--|--|
| <p>5. Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới - Hiểu được ý nghĩa của quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới - Biết thể hiện tình hữu nghị với người nước ngoài khi gặp gỡ, tiếp xúc. - Tham gia các hoạt động đoàn kết hữu nghị do nhà trường, địa phương tổ chức - Tôn trọng, thân thiện với người nước ngoài khi gặp gỡ, tiếp xúc | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDĐT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| <p>6. Hợp tác cùng phát triển</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là hợp tác cùng phát triển - Hiểu được vì sao phải hợp tác quốc tế - Nêu được nguyên tắc hợp tác quốc tế của Đảng và Nhà nước ta - Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế phù hợp với khả năng của bản thân - Ủng hộ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hợp tác quốc tế | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDĐT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| <p>7. Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Nêu được một số truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam - Hiểu được thế nào là kế thừa và phát huy | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị của các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDĐT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT</i></p> |

| | | | |
|--|---|---|---|
| | <p>truyền thống tốt đẹp của dân tộc và vì sao phải kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thái độ, hành vi cần thiết để kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Biết rèn luyện bản thân theo các truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Tôn trọng, tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc. | <p>truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc. | <p><i>ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| <p>8. Năng động, sáng tạo</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là năng động, sáng tạo. - Hiểu được ý nghĩa của năng động, sáng tạo. - Biết cần làm gì để trở thành người năng động, sáng tạo - Năng động, sáng tạo trong học tập, lao động và trong sinh hoạt hàng ngày - Tôn trọng những người sống năng động, sáng tạo. | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| <p>9. Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả - Hiểu được ý nghĩa của làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả - Nêu được các yếu tố cần thiết để làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch</i></p> |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để nâng cao kết quả học tập của bản thân. - Có ý thức sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm của bản thân. | | <p><i>Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung: Muốn làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả phải biết thích ứng với sự thay đổi, biết quản lý thời gian lao động một cách hiệu quả. |
| <p>10. Lí tưởng sống của thanh niên (Chuyển sang hoạt động ngoại khóa)</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là lí tưởng sống. - Giải thích được vì sao thanh niên cần sống có lí tưởng, - Nêu được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam hiện nay. - Xác định được lí tưởng sống cho bản thân. - Có ý thức sống theo lí tưởng. | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. - Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2006 - Hướng dẫn HS tự học theo hình thức ngoại khóa. |
| <p>11. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được hôn nhân là gì - Nêu được các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta - Kể được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân - Biết được tác hại của việc kết hôn sớm - Biết thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân trong việc chấp hành luật HN&GD ở nước ta. | | <p>Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành</p> |

| | | | |
|---|--|---|---|
| | <p>Nghiêm chỉnh chấp hành luật HN&GD ở nước ta</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tán thành việc kết hôn sớm | | |
| <p>12. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là quyền tự do kinh doanh. - Nêu được nội dung các quyền và nghĩa vụ công dân trong kinh doanh. - Nêu được thế nào là thuế và vai trò của thuế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. - Nêu được nghĩa vụ đóng thuế của công dân. - Biết vận động gia đình thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ kinh doanh, nghĩa vụ đóng thuế. - Tôn trọng quyền tự do kinh doanh của người khác, ủng hộ pháp luật về thuế của Nhà nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. - Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế. | <p>Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2006</p> |
| <p>13. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tầm quan trọng và ý nghĩa của quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. - Nêu được nội dung cơ bản các quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. - Nêu được trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động chưa thành niên. - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động; lập được hợp đồng lao | <p>Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT2006)</p> |

| | | | |
|--|---|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Biết được quy định của pháp luật về sử dụng lao động trẻ em. - Phân biệt được những hành vi, việc làm đúng với những hành vi, việc làm vi phạm quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. - Tôn trọng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động | <p>động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động và người lao động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp lứa tuổi | |
| <p>14. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là vi phạm pháp luật. - Kể được các loại vi phạm pháp luật. - Nêu được thế nào là trách nhiệm pháp lí. - Kể được các loại trách nhiệm pháp lí. - Biết phân biệt các loại vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lí. - Tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước. - Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. - Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. | Thực hiện theo yêu cầu cần đạt của CT 2018 |
| <p>15. Quyền tham gia quản lí Nhà nước, quản lí xã hội của công dân</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân. - Nêu được các hình thức tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân. - Nêu được trách nhiệm của Nhà nước và của | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDĐT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch</i></p> |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | <p>công dân trong việc đảm bảo và thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân. - Biết thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội phù hợp với lứa tuổi - Tích cực tham gia công việc của trường, của lớp, của cộng đồng phù hợp với khả năng | | <p><i>Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| <p>16. Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là sống có đạo đức và tuân theo pháp luật - Nêu được mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật - Hiểu được ý nghĩa của việc sống có đạo đức và tuân theo pháp luật - Hiểu được trách nhiệm của thanh niên học sinh cần phải rèn luyện thường xuyên để sống có đạo đức và tuân theo pháp luật - Biết rèn luyện bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và pháp luật - Tự giác thực hiện các nghĩa vụ đạo đức và các quy định của pháp luật trong đời sống hàng ngày | | <p>Thực hiện theo mức độ cần đạt của CT hiện hành</p> |

| | | | |
|---|--|---|--|
| <p>Bài 17 Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là bảo vệ tổ quốc và nội dung của nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc, cho ví dụ minh họa. - Nêu được một số quy định của pháp luật về nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc - Tham gia các hoạt động thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc - Nhân xét, đánh giá các hành động việc làm của bản thân, người thân, bạn bè trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc - Vận động người thân, bạn bè tham gia các hoạt động bảo vệ trường, lớp quê hương, đất nước bằng các việc làm phù hợp | | <p><i>Thực hiện theo Công văn số 4040 /BGDDĐT-GDTrH ngày 16/9/2020 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022</i></p> |
| <p>18. Tiêu dùng thông minh</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). | <p>Bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng thành chủ đề “Người tiêu dùng thông minh” - Thực hiện dạy học theo yêu cầu cần đạt của CT 2018 |

| | | | |
|---------------------------------------|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. | |
| 19. Thích ứng với thay đổi | | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. - Thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. | <p>Thực hiện dạy tích hợp với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 2: Tự chủ - Bài 8: Năng động, sáng tạo. - Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. |
| 20. Quản lí thời gian hiệu quả | | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. - Thực hiện được kĩ năng quản lí thời gian hiệu quả. | <p>Thực hiện dạy tích hợp với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 2: Tự chủ - Bài 8: Năng động, sáng tạo. - Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. |